TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **45**/2023/HNGĐ-ST Ngày 23/5/2023 *V/v: "Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngọ Văn Tỉnh.

Các Hội thẩm nhân nhân: 1. Bà Nguyễn Thị Nga

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST – HNGĐ ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trần Duy H1, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 4, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn*: Bà Ngô Thị Kim H2, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 4, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2022 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Trần Duy H1 trình bày như sau:

Ông Trần Duy H1 và bà Ngô Thị Kim H2 quen biết và tìm hiểu nhau, sau một thời gian tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2008 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc vào năm 2011 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 2011. Việc chung sống với nhau và đăng ký kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H2 cờ bạc dẫn đến nợ nần nhưng được ông H1 góp ý và sửa đổi nhưng đến giữa năm 2020 thì bà H2 lại tiếp tục cờ bạc nên vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến ngày hôm nay, dẫn đến giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Vì thương con nên ông H1 chịu đựng hy vọng bà H2 sẽ thay đổi nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2020 đến nay khi mâu thuẫn trầm trọng xảy ra

vợ chồng đã sống không còn quan hệ tình cảm và kinh tế, hai vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, việc ai người đó làm. Ông H1 đã nhiều lần nói chuyện với bà H2 khuyên can để giải quyết mâu thuẫn giúp bà H2 tu chí làm ăn, nuôi con để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H1 yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị Kim H2 để có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: ông Trần Duy H1 và bà Ngô Thị Kim H2 có 01 con chung là cháu Trần Thị Thanh Xuân, sinh ngày 12/6/2009, hiện nay hai cháu đang sống cùng với ông H1, ông H1 yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 04/11/2022 và biên bản làm việc ngày 06/12/2021 bà Ngô Thị Kim H2 trình bày:

Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như ông H1 trình bày là đúng, bà H2 không bổ sung gì thêm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian đến năm 2017 thì do bà H2 bị bệnh nên ông H1 đã bỏ đi. Hiện nay vợ chồng đã ly thân 6 năm cho đến nay không còn quan hệ về tình cảm lẫn kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H1 yêu cầu ly hôn thì bà H2 đồng ý ly hôn với ông H1.

Về con chung: bà H2 và ông Trần Duy H1 có 01 con chung là Trần Thị Thanh Xuân, sinh ngày 12/6/2009, hiện nay cháu đang sống chung với bà H2. nếu ly hôn bà H2 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Xuân và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Trong 6 năm ông H1 bỏ đi bà có vay tiền để lo cho con ăn học là 80.000.000đ, nay bà H2 yêu cầu ông H1 phải chịu trả một nửa số tiền này. Tòa án đã yêu cầu bà H2 cung cấp chứng cứ về nợ chung nhưng bà H2 không cung cấp, sau đó các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn vắng mặt hai phiên tòa là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp*:

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Ngô Thị Kim H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà H2 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy xét xử vắng mặt bà H2 là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "*Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn*" giữa ông Trần Duy H1 với

bà Ngô Thị Kim H2 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà ông Trần Duy H1 với bà Ngô Thị Kim H2 bắt đầu từ năm 2008 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội nên quan hệ hôn nhân hợp pháp tính từ năm 2011. Sau khi đăng ký kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ông H1 và bà H2 cho rằng cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai người không hợp nhau, nên hay xảy ra xung đột và cải vã lẫn nhau. Ngoài ra còn nguyên nhân về kinh tế khiến cho vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Xét yêu cầu của ông H1 và bà H2 cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà H2 và ông H1 phải cùng tìm nguyên nhân để hàn gắn vợ chồng và xây dựng gia đình nhưng mâu thuẫn kéo dài từ năm 2020 đến nay mạnh ai nấy sống từ khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau khi ông H1 gửi đơn đến Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không có kết quả vì lý do ông H1 kiên quyết ly hôn để xây dựng cuộc sống mới, còn bà H2 có mặt và đồng ý ly hôn. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà H2 và ông H1 thực sự không còn tình trạng hôn nhân nhân trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài vì trong giai đoạn này là sự quyết liệt ly hôn của ông H1 và sự phó mặc và đồng ý ly hôn của bà H2 cho chính quan hệ hôn nhân đang rạn nứt của mình thì cơ hội đoàn tụ vợ chồng là không có. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H1.

[3]. *Về con chung*: Ông H1 và bà H2 01 con chung là cháu là Trần Thị Thanh Xuân, sinh ngày 12/6/2009, hiện nay cháu đang sống chung với ông H1, cả ông H1 và bà H2 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Xuân và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của ông H1 cho thấy, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng sống ly thân nhau ông H1 vẫn trực tiếp nuôi dưỡng con chung, khi giải quyết vụ án bà H2 cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung nhưng sau đó bà H2 vắng mặt tại các phiên hòa giải tiếp theo và các phiên tòa, khi được hỏi nguyện vọng của mình thì cháu Xuân muốn ở với ông H1, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật cũng như điều kiện tốt nhất cho cháu Xuân phát triển về mặt thể chất cũng như tinh thần cần để cháu Xuân cho ông H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ông H1 không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung*: Ông H1 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] *về nợ chung*: bà H2 khai hiện nay nợ chung là 80.000.000đ có ý kiến để ông H1 phải trả ½ số nợ chung nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh là nợ ai, vay vào thời điểm nào, Tòa án đã cho thời hạn cung cấp chứng cứ nhưng không cung cấp, xét thấy việc bà H2 khai nợ thể hiện là bên có nghĩa vụ, việc phân chia nghĩ vụ phải được sự đồng ý của người có quyền đối với các khoản nợ này do đó không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà H2.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 ông H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 , 81, 82, 83, 84, 107 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Trần Duy H1 được ly hôn với bà Ngô Thị Kim H2.

2. Về con chung: Ông Trần Duy H1 và bà Ngô Thị Kim H2 có 01 con chung là Trần Thị Thanh Xuân, sinh ngày 12/6/2009 hiện đang sống với ông H1.

Ông Trần Duy H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thanh Xuân, sinh ngày 12/6/2009 và bà H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, có thể yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trần Duy H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân & Gia đình ông H1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011333 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Như vậy ông H1 đã nộp đủ án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận hoặc được niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**